

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA SỞ XÂY DỰNG
QUÝ II VÀ LŨY KẾ 6 THÁNG NĂM 2025

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Sở Xây dựng được giao cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP tại Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023.

- a) Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập: **05 đơn vị**.
- b) Tổng số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021: **05 đơn vị**.

II. Đánh giá cụ thể

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- a. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- Các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt chế độ, chính sách và quy định về cơ chế tài chính.
 - Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước; hoạt động dịch vụ khác.
 - Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận.
 - Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
 - Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật.
 - Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác.
- b. Tổ chức bộ máy
- Cảng vụ Đường thủy nội địa: 31 người có mặt (trong đó: số cán bộ, viên chức 30 người, hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP: 01 người)
 - Xí nghiệp bến xe tàu: 125 người có mặt (trong đó số cán bộ, viên chức 29 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 96 người)

- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: 24 người (có mặt 16 trong đó số cán bộ, viên chức 8 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 08 người)

- Trung tâm Quy hoạch xây dựng: 32 người (có mặt 29 người trong đó số cán bộ, viên chức 17 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 12 người)

- Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng: 36 người (có mặt 32 người trong đó số cán bộ, viên chức 19 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 13 người)

2. Kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính

- Tổng số đơn vị thực hiện tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ: 05 đơn vị

- Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: 04 đơn vị. Bao gồm: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới và Xí nghiệp Bến xe tàu, Trung tâm Quy hoạch xây dựng; Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 01 đơn vị. Bao gồm: Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Kinh phí:

+ Kinh phí tự chủ: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ; Xí nghiệp Bến xe tàu; Trung tâm Quy hoạch xây dựng; Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng.

+ Kinh phí NSNN cấp thực hiện tự chủ: Cảng vụ đường thủy nội địa và Xí nghiệp Bến xe tàu (phần Trợ giá tàu Thỏ Châu).

3. Tình hình phân thực hiện quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp.

- Về mức thu sự nghiệp: Các khoản thu phí, lệ phí theo Thông tư 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính, Thông tư 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021, Thông tư 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016.

- Nguồn thu Quý II và lũy kế 6 tháng/2025:

+ Cảng vụ đường thủy nội địa: Dự toán thu 2.729 triệu đồng; số thực hiện Quý II/2025 là 1.794,5 triệu đồng lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là 3.130 triệu

+ Xí nghiệp bến xe tàu: Dự toán thu 34.301 triệu đồng; số thực hiện Quý II/2025 là 7.835 triệu đồng. lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là: 15.660 triệu đồng

+ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: Dự toán thu 1.930 triệu đồng; số thực hiện Quý II/2025 là 2.895 triệu đồng. lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là: 4.362 triệu đồng

+ Trung tâm Quy hoạch xây dựng: Dự toán thu 3.000 triệu đồng; số thực hiện thu Quý II/2025: 834 triệu đồng và lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là : 1.623 triệu đồng

+ Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng: Dự toán thu 8.200 triệu đồng; số thực hiện thu Quý II/2025: 664,7 triệu đồng và lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là: 1.393,4 triệu đồng

- Chi thường xuyên Quý II và lũy kế 6 tháng/2025:

+ Cảng vụ đường thủy nội địa: Dự toán chi 2.729 triệu đồng/quý; số thực hiện Quý II/2025 là 1.428,2 triệu đồng/quý. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là : 2.442,2 triệu đồng

+ Xí nghiệp bến xe tàu: Dự toán chi 29.004 triệu đồng; số thực hiện Quý II/2025 là 5.985 triệu đồng/quý. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là: 11.620 triệu đồng

+ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: Dự toán chi 1.159 triệu đồng/quý; số thực hiện Quý II/2025 là 1.500 triệu đồng/quý. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là: 2.550 triệu đồng

+ Trung tâm Quy hoạch xây dựng: Dự toán chi 1.230 triệu đồng; số thực hiện Quý II/2025: 498 triệu đồng và lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là : 732 triệu đồng

+ Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng: Dự toán chi 7.214 triệu đồng; số thực hiện Quý II/2025: 1.043,6 triệu đồng và lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là : 2.199,8 triệu đồng

4. Tình hình thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

- Tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Số đơn vị tiết kiệm 04 đơn vị/ so với tổng số đơn vị giao tự chủ

+ Số kinh phí tiết kiệm được Quý II/2025 : 1.060 triệu đồng. Lũy kế 6 tháng 3.187 triệu đồng

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm cao nhất: 873 triệu đồng. Lũy kế 6 tháng 1.907 triệu đồng (Xí nghiệp bến xe tàu)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình Lũy kế 6 tháng 606 triệu đồng (Trung tâm Quy hoạch Xây dựng)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: 187 triệu đồng Lũy kế 6 tháng 570 triệu đồng (Trung tâm kiểm định xe cơ giới)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm thấp nhất: Quý II/2025 và Lũy kế 6 tháng 104,8 triệu đồng (Cảng vụ đường thủy nội địa)

- Phân phối tiết kiệm kinh phí hoạt động trong Quý II/2025:

+ Cảng vụ đường thủy nội địa: 366 triệu đồng trong Quý II/2025 (trong đó: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 43,9 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 104 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 71 triệu đồng, cải cách tiền lương: 146,5 triệu đồng).

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025: 687,8 triệu đồng (trong đó: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 82 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 104,8 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 225,2 triệu đồng, cải cách tiền lương: 275 triệu đồng).

+ Xí nghiệp bến xe tàu: 1.850 triệu đồng trong Quý II/2025. Lũy kế 4.040 triệu đồng (trong đó quý 2/2025: Nộp thuế TNDN: 370 triệu đồng; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 370 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 30 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 207 triệu đồng; lương tăng thêm: 873 triệu đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025: 4.040 triệu đồng (trong đó Nộp thuế TNDN: 808 triệu đồng; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 808 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 65 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 452 triệu đồng; lương tăng thêm: 1.907 triệu đồng).

+ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: 1.172 triệu đồng trong Quý II/2025 (trong đó: Nộp thuế TNDN: 69 triệu đồng; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 239 triệu đồng, quỹ khen thưởng: 293 triệu đồng, quỹ phúc lợi: 42 triệu đồng, lương tăng thêm: 586 triệu đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025: 1.449 triệu đồng (trong đó Nộp thuế

TNDN: 138 triệu đồng; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 363 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 724 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 363 triệu đồng)

+ Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Trong Quý II/2025: 336 triệu đồng Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025: 891 triệu đồng (trong đó Nộp thuế TNDN: 0 triệu đồng; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 223 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 606 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 62 triệu đồng

5. Tình hình thu nhập tăng thêm người lao động:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm dưới 1 lần:
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 1 đến 2 lần: 05 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 2 đến 3 lần:
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần trở lên :

+ Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là: 8 triệu đồng/tháng Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là : 48 triệu đồng/6 tháng (Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới).

+ Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là: 0,505 triệu đồng/tháng Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 là: 3.030 triệu đồng/6 tháng (Cảng vụ đường thủy nội địa).

6. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị: Không./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Việt Bắc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	248	233	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	115	103	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	133	130	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng			
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng	50.160	39.692	
A	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i>		50.160	39.692	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:		44.226	34.613	
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ		33.425	30.503	
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)		10.801	4.110	
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)		3.205	1.949	
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)		2.264	2.665	

6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)		465	465	
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên		46.669	32.624	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương		10.852	5.619	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học		5.884	5.884	
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		4.950	6.976	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí		222	250	
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		6.356	4.942	
6	Trích khấu hao tài sản cố định		4.875	2.400	
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)		13.065	5.627	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên		465	926	
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)			7.068	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			1.477	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập			1.026	
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi			1.103	
4	Trích Quỹ khác Cải cách tiền lương (nếu có)			275	

	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng		3.187	
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng		8	Trung Tâm Đăng kiểm xe cơ giới
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng		0,505	cảng vụ đường thủy nội địa
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>		237,5	318	
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)		237,5	318	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)</i>		237,5	318	
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				